

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST

Ngày: 19-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Mạnh Quyết

Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh L, (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1982; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Thợ may; cha: Bùi Văn Y; mẹ: Nguyễn Thị S; Bị cáo có chồng Trần Minh N. Có 06 người con: Lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 1919; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: bà Phạm Thị Mai T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

- Bị hại:

Em Trần Minh Mao T1, sinh năm: 2019 (đã chết)

Em Trần Thị Hân D, sinh năm: 2009

Người đại diện hợp pháp cho bị hại T1, D: ông Trần Minh N, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Anh Lê Tấn T2, sinh năm: 2001, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Thị Thúy B, sinh năm: 2006; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Ông Lê Văn T3, sinh năm; 1970; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 03/5/2023 Bùi Thanh L, có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô 66B1-684.60 chở con ruột là Trần Minh Mao T1, sinh năm 2019 ngồi giữa và Trần Thị Hân D, sinh năm 2009 ngồi phía sau đi từ nhà trọ ở huyện Đ, tỉnh Long An về nhà ở huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, L điều khiển xe lưu thông trên quốc lộ N hướng từ huyện B về huyện T, đến đoạn km 47+200m thuộc Ấp B, xã L. Lúc này, L điều khiển xe lên dốc cầu Bà B1, L nhìn thấy có một xe ô tô tải không rõ biển số đang lưu thông cùng chiều phía trước đang giảm tốc độ để lên cầu, L sợ xe mô tô mình điều khiển sẽ va chạm vào phía sau xe ô tô tải nên điều khiển xe mô tô 66B1-684.60 lấn qua phần đường bên trái để tránh, làm xe mô tô 66B1-684.60 va chạm với xe mô tô 67L2-069.87 do Lê Tấn T2 điều khiển lưu thông theo hướng từ huyện T về huyện B, gây ra tai nạn giao thông đường bộ. Hậu quả, tai nạn làm Trần Minh Mao T1 tử vong tại Bệnh viện đa khoa huyện T.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 94/KLGĐTT-TTPY ngày 11/5/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận: Nạn nhân Trần Minh Mao T1 sinh năm 2019 tử vong do vỡ gan.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan CSĐT Công an huyện T lập vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 03/5/2023 thể hiện:

Hiện trường của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường dốc cầu B km 47+200m đường quốc lộ N2, mặt cầu B rộng 9m, đường quốc lộ N2 rộng 7m được trải bê tông nhựa phẳng, đường có vạch sơn màu vàng, liền nét chia hai chiều xe chạy.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí phương tiện, dấu vết: (1) xe mô tô 66B1-684.60, (2) (3) vết cày đứt quãng, (4) xe mô tô 67L2-069.87.

Chọn mép đường bên phải hướng Thạnh Hóa đi B làm mép đường chuẩn. Tìm vạch sơn màu vàng, liền nét đo vào mép cầu phải cầu Bà B1 dài 4m50, tìm vạch sơn màu vàng, liền nét đo vào mép đường phải đường quốc lộ N2 dài 3m50. Điểm mốc là trụ km 47+200m nằm trong lề trái quốc lộ N, đo đến đầu cày (2) dài 6m50 và đầu cày (3) dài 8m70.

(1) xe ô tô 66B1-684.60 dựng đứng bằng chống ngang trên cầu B, đầu xe hướng về huyện T, đuôi xe hướng về huyện B. T4 trực bánh trước đo vào mép cầu

phải là 8m90, tâm trục bánh sau đo vào mép cầu phải là 8m70, tâm trục bánh sau đo đến cuối vết cày (2) là 5m10.

(2) vết cày đứt quãng ngược hướng đo đặc, đầu vết cày đo vào mép đường phải là 2m50; vết cày dài 11m20; cuối vết cày đo vào mép phải cầu Bả B1 theo hướng đã chọn dài 4m35; đầu vết cày (2) đo đến đầu vết cày (3) dài 3m20.

(3) vết cày đứt quãng theo hướng đo đặc, đầu vết cày đo vào mép đường phải dài 2m; vết cày dài 12m60; cuối vết cày đo vào mép đường phải dài 0m75; cuối vết cày (3) đo đến tâm sau xe (4) dài 1m30.

(4) xe mô tô 67L2-069.87 được dựng đứng bằng chống giữa trong lề phải, đầu xe hướng về huyện B, đuôi xe hướng về huyện T, tâm trục bánh trước đo vào mép đường phải là 0m40, tâm trục bánh sau đo vào mép đường phải là 0m60.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện do Cơ quan CSĐT Công an huyện T lập vào ngày 03/5/2023 thể hiện:

Xe ô tô 66B1-684.60: Bên phải xe: Đầu ngoài tay cầm cục kim loại mài mòn; đầu ngoài thắng tay mài mòn kim loại; mặt ngoài bầu dầu thắng tay mài mòn kim loại; ốp đầu đèn chiếu sáng mài mòn làm sơn bong tróc; mũi dè chắn bùn trước mài mòn; mặt ngoài cánh búng chắn gió và mặt ngoài bộ đế chân bị mài mòn. Bên trái xe: Mặt ngoài chân ống giảm xóc trước có vết ma sát màu đen theo chiều từ trước ra sau; cánh búng chắn gió trước bể vỡ và rơi khỏi vị trí ban đầu; bộ đế chân bể vỡ và rơi khỏi vị trí ban đầu; lò xo chống ngang rơi khỏi vị trí ban đầu, kim loại gắn lò xo vào góc chân ngang công theo chiều từ trước ra sau.

Xe mô tô 67L2-069.87: Bên phải xe: Ốp đầu đèn chiếu sáng trước mài mòn; đầu ngoài tay cầm và thắng tay kim loại mài mòn; rỏ xe phía trước biến dạng, cạnh ngoài rỏ xe mài mòn kim loại; đầu ngoài gác chân lóc máy cao su và lõi kim loại gác chân mài mòn. Bên trái xe: Mặt ngoài ống giảm xóc trước có vết ma sát màu đen theo chiều từ trước ra sau; gác chân lóc máy và chân chống ngang rơi khỏi vị trí ban đầu; cần số lóc máy công về phía sau theo hướng từ trước ra sau.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 20/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa đã truy tố bị cáo Bùi Thanh L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Thanh L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Trong phần luận tội ông Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thanh L từ 01 năm đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo không tranh luận chỉ xin không

khẩu trừ thu nhập do thuộc hộ nghèo và xin được ra khỏi địa phương để đi làm kiếm tiền nuôi các con nhỏ.

Đại diện bị hại T1, D không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại, xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo L đề nghị: Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý nên đề nghị xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Tại phiên tòa bị cáo L không khiếu nại các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Hồ sơ vụ án thể hiện trong giai đoạn điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố vụ án thì hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên được tiến hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2]. Anh Lê Tấn T2, ông Lê Văn T3 vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình điều tra đồng thời việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thanh L đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp người bị hại đồng thời còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản khám nghiệm tử thi và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 03/5/2023, Bùi Thanh L có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 66B1-684.60 chở theo em Trần Minh Mao T1 và Trần Thị Hân D lưu thông trên Quốc lộ N theo hướng từ B lên huyện T. Khi đến đoạn km 47+200m thuộc ấp B, xã L, huyện T. Bùi Thanh L điều khiển xe mô tô biển số 66B1-684.60 lần qua làn đường bên trái va chạm với xe mô tô biển kiểm soát số 67 L2-069.87 do anh Lê Tấn T2 điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại từ huyện T về B; hành vi của bị cáo L đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ; hậu quả nạn nhân em Trần Minh M T1 tử vong nên hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi gây ra: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của các bị hại mà còn xâm phạm đến an toàn- trật tự công cộng nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[2.3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2.3.1]. Tình tiết tăng nặng: Không có.

[2.3.2]. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được các bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4]. Về hình phạt:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị xử phạt bị cáo L hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì thấy: Bị cáo L bị truy tố theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự nên thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, hậu quả làm chết 01 người và gây tổn thương cơ thể cho 02 bị hại là T2 và D. Do đó trường hợp xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là không đủ sức răn đe với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên không chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Bị cáo L bị truy tố theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm nên thuộc loại tội phạm nghiêm trọng mà không phải tội ít nghiêm trọng. Hình phạt người bào chữa đề nghị không đủ sức răn đe với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên không được chấp nhận.

Nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thanh L là nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo hình phạt tù ở mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố.

Xét thấy bị cáo L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo thuộc hộ nghèo, hiện đang nuôi con nhỏ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương; do đó bị cáo đủ điều kiện để được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2.5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.6]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa:

Ông N không yêu cầu bồi thường cho bị hại T1 và D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T2 tự nguyện hỗ trợ bị hại T1 số tiền 12.000.000đ, không yêu cầu giải quyết và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.7]. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện T có tạm giữ phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông gồm 01 xe mô tô 66B1-684.60 và xe mô tô 67L2-069.87, hiện đã trao trả cho chủ sở hữu. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện T là phù hợp, đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa đã phản ánh đúng hành vi mà bị cáo đã thực hiện, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa đề nghị của ông Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật tuy nhiên về hình phạt không đủ sức răn đe với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2023. Giao bị cáo Bùi Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bùi Thanh L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm tù đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thanh L được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo L, đại diện hợp pháp bị hại T1 và D và chị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/12/2023). Bị hại T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T3 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Công an huyện Thủ Thừa;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương